

Số: 737 /QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về ban hành Chương trình hành động
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết
Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết
Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~737~~ /QĐ-LĐTĐXH ngày 29/6/2021
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Quán triệt và thực hiện nghiêm Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình hành động của Bộ với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng bao gồm các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp để cụ thể hóa quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ; bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời gian tới và phù hợp với tình hình trong nước, quốc tế.

2. Chương trình hành động này là căn cứ để các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ xây dựng chương trình, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị; đồng thời phải tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, tập trung để hoàn thành các mục tiêu của ngành đã đề ra nhằm góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các đơn vị phải quán triệt nghiêm các quan điểm chỉ đạo của Đảng, 6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, 3 đột phá chiến lược; quán triệt nghiêm phương châm của Bộ “Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, phát triển” và 5 trọng tâm chỉ đạo, điều hành là: (1) Hoàn thiện thể chế, xây dựng hệ thống pháp luật về lao động, người có công và xã hội bảo đảm đồng bộ, hiện đại và hội nhập quốc tế; (2) Phát triển thị trường lao động, tạo môi trường pháp lý và các điều kiện cần thiết để các yếu tố thị trường lao động phát triển đầy đủ nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đáp ứng việc làm thỏa đáng cho người lao động; (3) Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, đáp ứng thị trường lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế và hội nhập quốc tế; (4) Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện chính sách xã hội; từng bước hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân; chú trọng nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội,

nhất là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần và các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp; (5) Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng chuyên đổi số, công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về xã hội

Xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý về lao động, người có công và xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và bảo đảm hội nhập, phù hợp với những tiến bộ và cam kết quốc tế, góp phần cụ thể hóa chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế đi đôi với đảm bảo tiến bộ công bằng xã hội, làm cho người dân thụ hưởng tốt nhất thành tựu của sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế. Tập trung, ưu tiên xây dựng các đề án sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh: Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật Bình đẳng giới, Luật Người cao tuổi, Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm; nghiên cứu, xây dựng Luật Trợ giúp xã hội. Xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật quy định và hướng dẫn thi hành pháp luật về lao động, người có công và xã hội.

Tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện thể chế, pháp luật về lao động, người có công và xã hội. Đổi mới quy trình hoạch định chính sách an sinh xã hội, bảo đảm các chính sách xã hội được xây dựng và triển khai đồng thời với các chính sách kinh tế; các mục tiêu xã hội phải được xác định trong mối quan hệ với các mục tiêu kinh tế. Nâng cao năng lực, hiệu quả, chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

2. Phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, lành mạnh và ổn định nhằm quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực

Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động giai đoạn 2021-2030. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, tăng khả năng kết nối cung - cầu lao động trên thị trường; có giải pháp phân bổ lao động phù hợp theo vùng nhằm sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn nhân lực. Tăng cường kỹ năng cho người lao động; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án về giải quyết việc làm trong nước và đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; chú trọng giải quyết việc làm cho thanh niên, lao động trung niên, lao động yếu thế và lao động nữ; thực hiện các giải pháp chính thức hóa việc làm phi chính thức, chuyển dịch nhanh lao động có việc làm phi chính thức sang việc làm chính thức; chú trọng hỗ trợ lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, các khu công nghiệp và lao động vùng biên.

Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về người lao động kết nối thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nâng cao năng lực phân tích, dự

báo thị trường lao động. Nghiên cứu, xây dựng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng, bố trí công việc cho lao động cao tuổi phù hợp với sức khỏe và nhu cầu của người cao tuổi; chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho các đối tượng yếu thế, các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của tái cấu trúc kinh tế, hội nhập và ứng dụng/chuyển giao công nghệ mới.

Ổn định và phát triển, mở rộng thị trường lao động ngoài nước, chú trọng các thị trường có thu nhập cao, an toàn và phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động Việt Nam. Tăng cường quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Quản lý, hướng dẫn thực hiện các quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế

Tiếp tục thực hiện các giải pháp đột phá mạnh mẽ, phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp. Tập trung xây dựng, trình ban hành và triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; thực hiện phân tầng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo chất lượng đào tạo; trong đó chú trọng đầu tư các trường chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực đào tạo. Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; ban hành các chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp tiếp cận với kỹ năng tiên tiến của Khu vực ASEAN và thế giới.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, tư vấn, hướng nghiệp, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp. Đa dạng hoá các phương pháp, hình thức đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo giáo dục nghề nghiệp mở, linh hoạt, xoá bỏ các rào cản đối với người học, thúc đẩy việc học tập suốt đời. Thực hiện đào tạo chương trình chất lượng cao, nâng cao chất lượng đầu ra; đào tạo lại, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn, đào tạo vừa làm vừa học nhằm giúp công nhân, lao động, người lớn tuổi tìm được việc làm, nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp. Tăng cường gắn kết doanh nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp; hỗ trợ nhà trường và doanh nghiệp trong việc liên kết, phối hợp tổ chức đào tạo. Triển khai hiệu quả việc học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế trong đào tạo chất lượng cao.

4. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt chính sách, pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, quan hệ lao động và an toàn, vệ sinh lao động

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, quan hệ lao động và an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với cơ chế thị trường và phù hợp với các cam kết quốc tế, các công ước của Tổ chức Lao động

quốc tế (ILO), nhất là triển khai Nghị định của Chính phủ về tổ chức đại diện người lao động và thương lượng tập thể.

Cải cách chính sách tiền lương theo hướng tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường. Nhà nước quyết định mức tiền lương tối thiểu và giảm dần các can thiệp vào chính sách tiền lương của doanh nghiệp; đảm bảo mức tiền lương doanh nghiệp chi trả cho người lao động được xác lập thông qua thương lượng, thỏa thuận.

Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo các hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với đặc điểm, tính chất đặc thù của từng nhóm đối tượng gắn với phát triển đối tượng tham gia; tăng tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; gia tăng nhanh số lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp; giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, đình công. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật an toàn, vệ sinh lao động; cải thiện điều kiện lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; nghiên cứu giảm giờ làm việc trong tuần phù hợp dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

5. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, nâng cao đời sống người có công và thân nhân

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác chăm sóc người có công với cách mạng; triển khai thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020, xây dựng đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, dự án về ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng nhằm bảo đảm mọi người có công đều được xác nhận, công nhận, tôn vinh và thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, công khai, minh bạch các chính sách và chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; mở rộng chi trả trợ cấp người có công thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Triển khai quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy mạnh các phòng trào “Đền ơn đáp nghĩa” và huy động nguồn lực của xã hội để chăm sóc người có công.

6. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm¹, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả của các chính sách giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 để hỗ trợ

¹ Giảm nghèo bao trùm nhằm xóa bỏ nghèo đói cho tất cả mọi người, ở mọi nơi, mọi thời điểm và mọi chiều.

người dân nâng cao chất lượng cuộc sống, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập của người nghèo so với bình quân chung của cả nước; đảm bảo người nghèo tham gia và thụ hưởng thành quả của tăng trưởng kinh tế.

Tập trung giải quyết các nhóm nghèo nhất, vùng nghèo nhất, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền, dân tộc. Hỗ trợ người dân có việc làm, sinh kế, vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống; các địa bàn nghèo để thoát khỏi tình trạng khó khăn, xây dựng nông thôn mới. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng; triển khai các mô hình việc làm công gắn với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn; các mô hình hợp tác, liên kết giữa các hộ nghèo với doanh nghiệp trong sản xuất, bao tiêu sản phẩm, thu hút lao động nghèo vào làm việc ổn định trong các doanh nghiệp. Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và vận động, khơi dậy ý chí vươn lên chủ động thoát nghèo của người nghèo.

7. Thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế, tăng cường trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng. Huy động mọi nguồn lực xã hội, phát triển các hình thức trợ giúp dựa vào cộng đồng để tạo điều kiện, cơ hội cho các đối tượng yếu thế vượt qua hoàn cảnh, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Mở rộng diện bao phủ chính sách bảo trợ xã hội, có chính sách hỗ trợ người có thu nhập thấp, bảo đảm các đối tượng yếu thế được trợ giúp ổn định cuộc sống; bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi, khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Đổi mới cơ chế quản lý, huy động nguồn lực cho thực thi chính sách; nâng cao nhận thức, năng lực tổ chức thực hiện và đổi mới quy trình xác định đối tượng; giảm bớt trình tự, thủ tục, hồ sơ và thời gian ra quyết định và thực hiện chính sách.

Triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm cung cấp các dịch vụ công tác xã hội, trợ giúp xã hội cho đối tượng có nhu cầu. Xây dựng, triển khai các mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội, chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; đổi mới công tác trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất; phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, nhất là mô hình nhà dưỡng lão.

8. Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em

Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án lĩnh vực trẻ em giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được ban hành. Chú trọng phát triển

toàn diện trẻ em đến 8 tuổi, đặc biệt giai đoạn 36 tháng đầu đời. Phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em; nhân rộng các mô hình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục; giảm tai nạn, thương tích ở trẻ em; giảm thiểu lao động trẻ em, xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em.

Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em từ trung ương đến địa phương. Tăng cường đánh giá, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện luật pháp, chính sách, chương trình về trẻ em; xác định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra bạo lực, xâm hại trẻ em; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền trẻ em. Đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành về thực hiện quyền trẻ em.

Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục kiến thức pháp luật, kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (Tổng đài 111) và các địa chỉ tiếp nhận, giải quyết vụ việc vi phạm quyền trẻ em. Huy động các nguồn lực của [Luật Việt Nam](#) cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào các hoạt động trợ giúp, chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

9. Thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội

Triển khai hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2030. Thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách, chương trình, đề án về phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai các hoạt động nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử. Tiếp tục duy trì, nhân rộng và phát triển các mô hình thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về bình đẳng giới; đa dạng hóa các hình thức truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn dân cư, trong đó ưu tiên các hoạt động thu hút sự tham gia của nam giới và trẻ em trai trong thực hiện bình đẳng giới; triển khai có hiệu quả Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

10. Tăng cường công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện; phòng, chống mại dâm và hỗ trợ kịp thời nạn nhân bị mua bán

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy, mại dâm, mua bán người. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực người làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, hỗ trợ người bán dâm và nạn nhân bị mua bán.

Nâng cao hiệu quả công tác điều trị, cai nghiện cho người nghiện ma túy; nhất là cai nghiện và quản lý sau cai tại cộng đồng, gia đình. Tăng cường quản

lý địa bàn, không để tệ nạn mại dâm gây bức xúc xã hội; duy trì, nhân rộng các mô hình hiệu quả về can thiệp giảm hại, phòng, chống bạo lực, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội của người bán dâm tại cộng đồng và các trung tâm hỗ trợ xã hội; hỗ trợ người bán dâm hoàn lương vay vốn, phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng; tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ nhằm giúp nạn nhân hòa nhập cộng đồng, phòng tránh việc bị tái mua bán.

11. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ của bộ, ngành; thực hiện tốt việc số hóa và ứng dụng chuyển đổi số lĩnh vực an sinh xã hội. Nâng cao chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Rà soát hệ thống văn bản về lao động, người có công và xã hội, bãi bỏ các rào cản, điều kiện kinh doanh không cần thiết trong các lĩnh vực của ngành, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch.

Kiện toàn tổ chức bộ máy của bộ, ngành bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng và tính chuyên nghiệp cao trong thực hiện công vụ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức.

Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động, xã hội; thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế trên các kênh song phương, đa phương và phi chính phủ nước ngoài nhằm huy động nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng, thực hiện các chính sách về lao động, người có công và xã hội.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ trong Chương trình hành động này có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, trong đó phải thể hiện bằng các đề án, chương trình, giải pháp, nhiệm vụ, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể. Trên cơ sở chương trình, kế hoạch hành động, các đơn vị cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm. Đối với những nhiệm vụ không phải xây dựng đề án, chương trình, cần tổ chức triển khai ngay, bảo đảm thực hiện kịp thời và có hiệu quả những nội dung liên quan trong Chương trình hành động của Chính phủ và của Bộ.

b) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và tiếp xúc, đối thoại về cơ chế, chính sách pháp luật về lao động, người có công và xã hội; chủ động cung cấp thông tin chính thức, đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch về các giải pháp chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước để doanh nghiệp, người dân hiểu và chia sẻ, nhằm tạo sự đồng thuận trong thực thi chính sách, pháp luật.

c) Chủ động theo dõi, nắm chắc tình hình thực hiện chính sách pháp luật về lao động, người có công và xã hội ở địa phương, cơ sở để kịp thời chỉ đạo, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn, các vi phạm pháp luật.

d) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Bộ; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Chương trình hành động của Bộ triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ. Trường hợp cần thiết báo cáo Bộ trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ, đề án tại Phụ lục kèm theo Chương trình hành động này.

3. Văn phòng chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chương trình hành động này, định kỳ báo cáo và đề xuất với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết bảo đảm Chương trình được thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động này, nếu cần sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các đơn vị chủ động đề xuất, báo cáo Bộ xem xét, quyết định./.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



PHỤ LỤC

đề án thực hiện Chương trình hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng
(Kèm theo Quyết định số 737/LĐTBXH-KHTC ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình/ phê duyệt
I	ĐỀ ÁN TRÌNH QUỐC HỘI				
1	Sửa đổi, bổ sung Bảo hiểm xã hội năm 2014	Vụ Bảo hiểm xã hội	Các đơn vị liên quan	Năm 2022 – 2023	Quốc hội
2	Sửa đổi, bổ sung Luật Việc làm năm 2013	Cục Việc làm	Các đơn vị liên quan	Năm 2022 - 2023	Quốc hội
3	Sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015	Cục An toàn lao động	Các đơn vị liên quan	Năm 2021 – 2025	Quốc hội
5	Sửa đổi, bổ sung Luật Người cao tuổi năm 2009	Cục Bảo trợ xã hội	Các đơn vị liên quan	Năm 2025	Quốc hội
6	Sửa đổi, bổ sung Luật Bình đẳng giới năm 2006	Vụ Bình đẳng giới	Các đơn vị liên quan	Năm 2021- 2025	Quốc hội
7	Luật trợ giúp xã hội	Cục Bảo trợ xã hội	Các đơn vị liên quan	Năm 2025	Quốc hội
8	Sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	Các đơn vị liên quan	Năm 2024- 2025	Ủy ban Thường vụ Quốc hội

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình/phê duyệt
8	Nghị quyết của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững đến năm 2030	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo	Các đơn vị liên quan	Tháng 10/2021	Quốc hội
9	Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo	Các đơn vị liên quan	Tháng 8/2021	Quốc hội
10	Nghị quyết của Quốc hội về gia nhập Công ước số 87 của Tổ chức Lao động quốc tế về quyền tự do hiệp hội và về việc bảo vệ quyền được tổ chức	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Năm 2023	Quốc hội
II	ĐỀ ÁN TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ				
11	Văn bản hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh	Các đơn vị		2021-2025	Chính phủ
12	Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Chính phủ
13	Đề án cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động-việc làm	Trung tâm Thông tin	Các đơn vị liên quan	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ
14	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan	Tháng 12/2021	Thủ tướng Chính phủ
15	Đề án đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Thủ tướng Chính phủ
16	Đề án phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho lực lượng lao động	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan	Năm 2022	Thủ tướng Chính phủ

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình/phê duyệt
17	Đề án đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan	Năm 2022	Thủ tướng Chính phủ
18	Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan	Năm 2022	Chính phủ
19	Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020	Viện Khoa học lao động và xã hội	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Chính phủ
20	Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2021-2025	Cục An toàn lao động	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Thủ tướng Chính phủ
21	Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Người có công	Các đơn vị liên quan	Tháng 7/2021	Thủ tướng Chính phủ
22	Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Văn phòng quốc gia về giảm nghèo	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Thủ tướng Chính phủ
23	Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Văn phòng quốc gia về giảm nghèo	Các đơn vị liên quan	Tháng 11/2021	Thủ tướng Chính phủ
24	Tiêu chí huyện nghèo và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025	Văn phòng quốc gia về giảm nghèo	Các đơn vị liên quan	Tháng 11/2021	Thủ tướng Chính phủ

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình/ phê duyệt
25	Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Bảo trợ xã hội	Các đơn vị liên quan	Tháng 11/2021	Thủ tướng Chính phủ
26	Đề án Phát triển y tế lao động xã hội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Cục Bảo trợ xã hội	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Thủ tướng Chính phủ
27	Chương trình quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2025	Cục Bảo trợ xã hội	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Thủ tướng Chính phủ
28	Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030	Cục Trẻ em	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Thủ tướng Chính phủ
29	Kế hoạch thực hiện Khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc	Cục Trẻ em	Các đơn vị liên quan	Năm 2024	Thủ tướng Chính phủ
30	Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030	Vụ Bình Đẳng giới	Các đơn vị liên quan	Năm 2021 LuatVietnam	Thủ tướng Chính phủ
31	Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021-2025	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Thủ tướng Chính phủ
32	Đề án phối hợp truyền thông phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, ma túy, mại dâm và mua bán người giai đoạn 2021-2025	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Thủ tướng Chính phủ
33	Đề án tín dụng đối với người nhiễm HI V/AIDS, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán trở về	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Thủ tướng Chính phủ
34	Đề án Phát huy hiệu quả công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2025	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan	Năm 2022	Thủ tướng Chính phủ